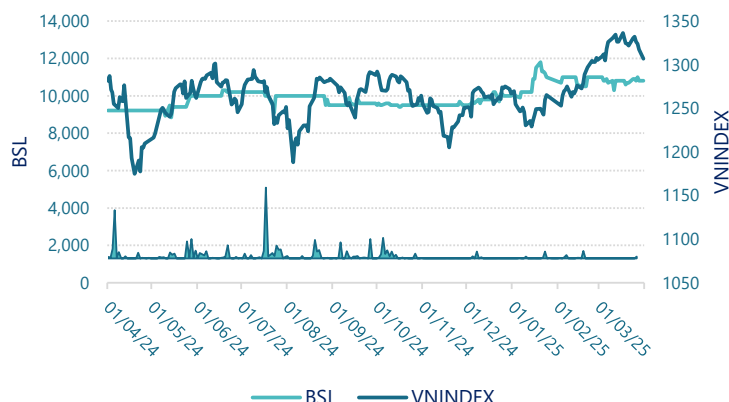


CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam (UPCOM: BSL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,842
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,405
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	486
P/E	14.0
EPS	770

DT thuần

Q1/25

172

tỷ VNĐ

QoQ: ▼85.0| -33.2%

YoY: ▼7.00| -4.1%

LN sau thuế

Q1/25

-3.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.8| -124%

YoY: ▼5.69| -278%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.5%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2024

935

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 126| 15.6%

LN sau thuế

2024

40.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.10| 21.2%

ROE

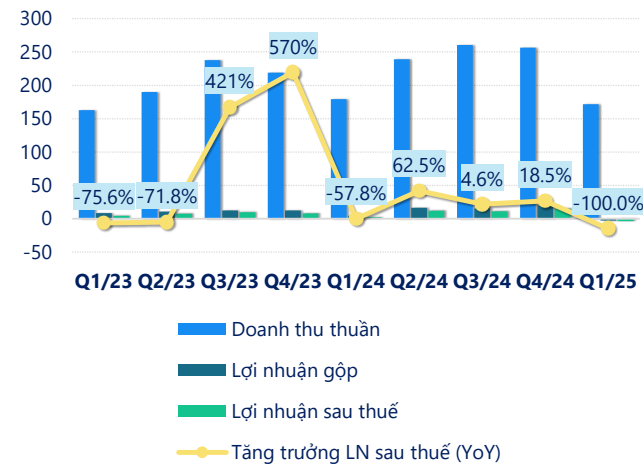
2024

8.0%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

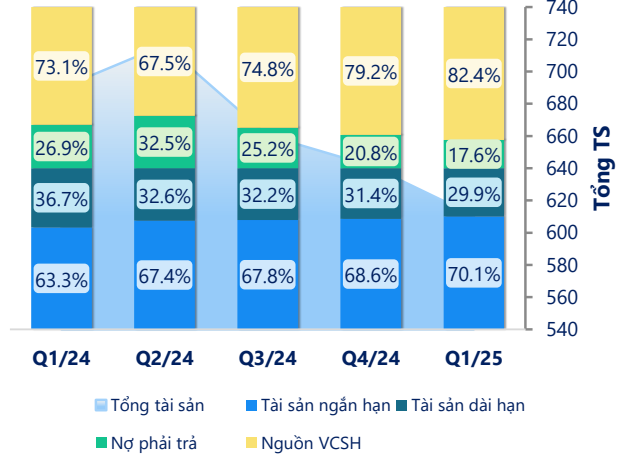
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

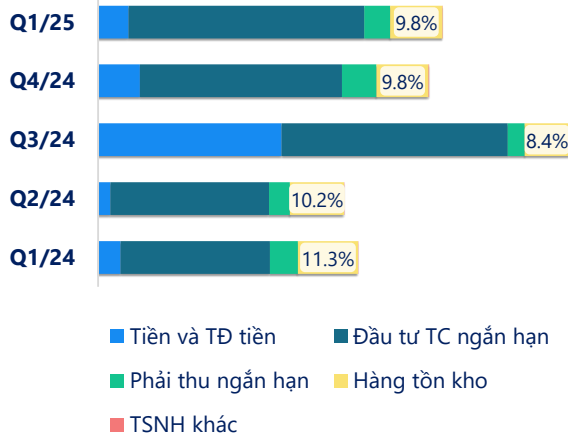
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



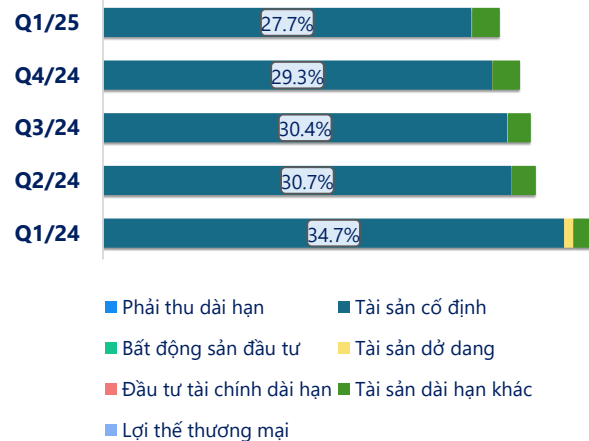
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

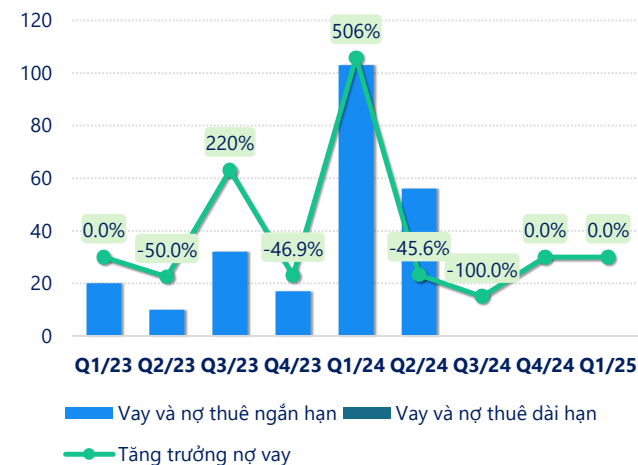
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

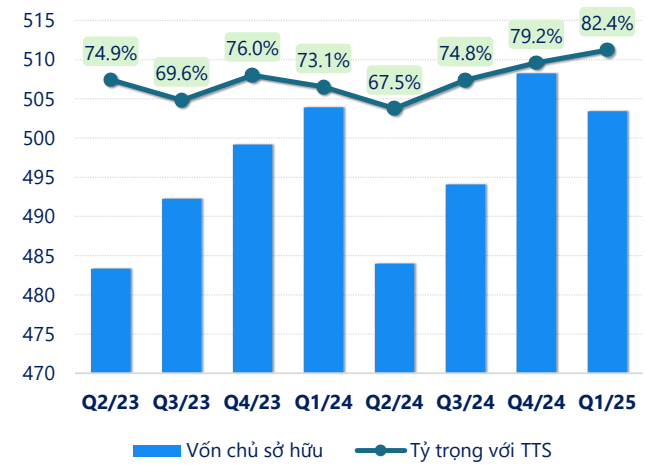
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

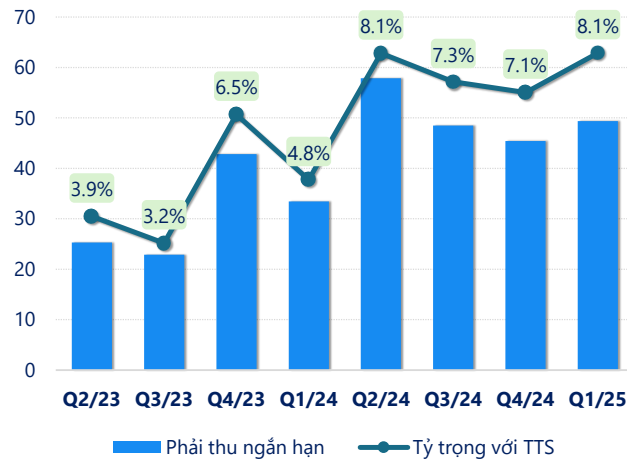
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



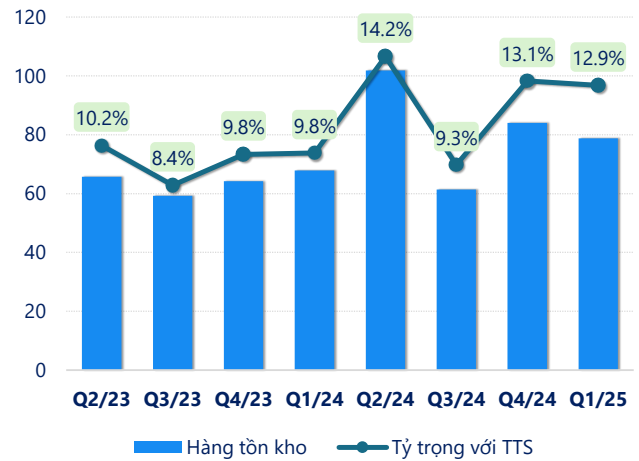
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


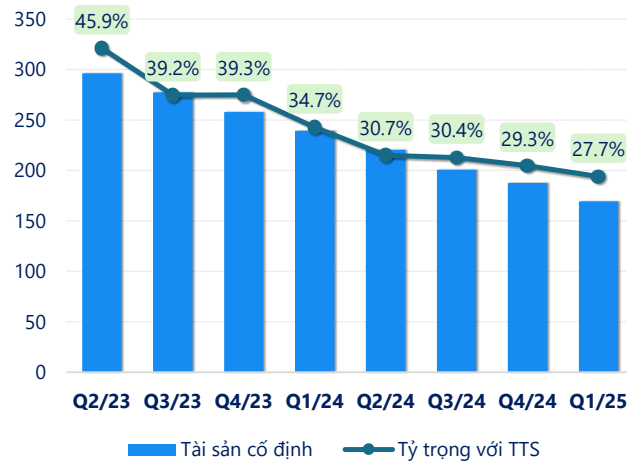
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


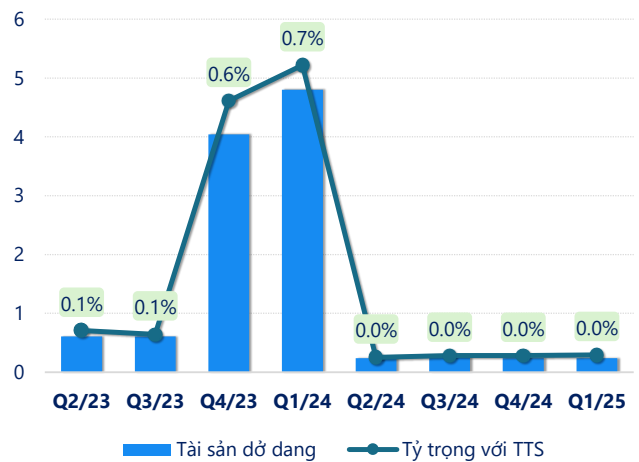
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

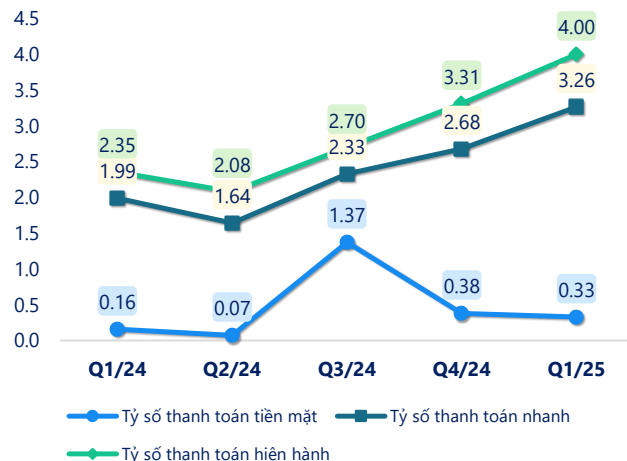
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

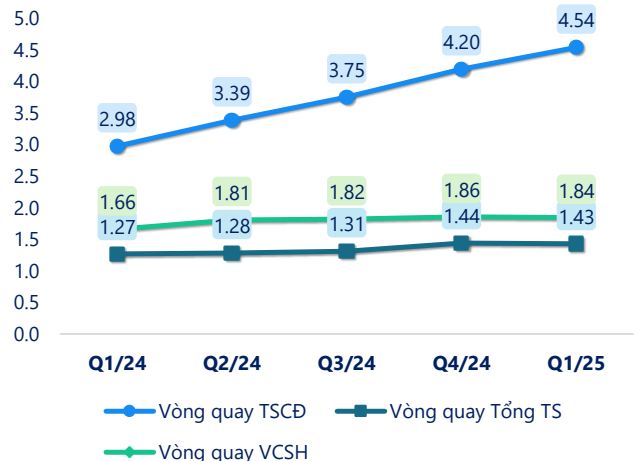
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	690	716	660	641	611
Tài sản ngắn hạn	437	483	448	440	428
Tiền và tương đương tiền	29.2	16.6	228	50.4	35.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	306	306	110	260	265
Phải thu ngắn hạn	33.5	57.9	48.5	45.4	49.4
Hàng tồn kho	67.9	102	61.4	84.1	78.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	1.14	0.54	0.78	0.58
Tài sản dài hạn	253	233	213	201	182
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	239	220	201	188	169
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.80	0.24	0.25	0.24	0.24
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.78	12.7	11.5	13.2	12.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	186	233	166	133	107
Nợ ngắn hạn	186	232	166	133	107
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	56.0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.82	42.9	16.1	21.2	12.6
Nợ dài hạn	0.15	0.15	0.15	0.17	0.17
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	504	484	494	508	503
Vốn chủ sở hữu	504	484	494	508	503
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)